

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ NGUYỄN MAI AN

**QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG
AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT
LAO ĐỘNG VIỆT NAM, QUA THỰC TIỄN ÁP DỤNG
TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. ĐÀO MỘNG ĐIỆP

Quảng Trị, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đào Mộng Điệp

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn luận văn	5
7. Kết cấu luận văn	5
Chương 1. KHÁI QUÁT PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.	6
1.1 Một số vấn đề lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	6
1.1.1 Khái niệm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	6
1.1.2 Đặc điểm của quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	8
1.2 Pháp luật điều chỉnh về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	9
1.2.1 Sự cần thiết của việc điều chỉnh pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	9
1.2.2 Khái niệm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	10
1.2.3 Nội dung pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	12
1.3 Các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	13
1.3.1 Yếu tố pháp luật.....	13
1.3.2 Vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về lao động	14
1.3.3 Ý thức của người sử dụng lao động, người lao động	14
1.3.4 Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	14
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	15
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ.	16
2.1 Thực trạng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	16

2.1.1 Quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	16
2.1.1.1 Quy định pháp luật về quyền được bảo đảm môi trường an toàn lao động	16
2.1.1.2 Quy định pháp luật về quyền được phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	17
2.1.1.3 Quy định pháp luật về quyền được khắc phục sự cố về an toàn, vệ sinh lao động.....	18
2.1.1.4 Quy định pháp luật về quyền được hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	18
2.1.2. Đánh giá pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	19
2.1.2.1. Những ưu điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.....	19
2.1.2.2. Những nhược điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.....	20
2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị	20
2.2.1 Những kết quả đạt được	20
2.2.2. Hạn chế trong việc áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại Quảng Trị.....	23
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	23
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	24
3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	24
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động	24
3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.....	25
3.3.1 Giải pháp chung	25
3.3.2 Giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị	26
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....	29

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, vấn đề đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động ngày càng liên quan chặt chẽ đến sự thành đạt của mỗi doanh nghiệp, góp phần quyết định đến sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi quốc gia. Xây dựng một nền sản xuất an toàn với những sản phẩm có tính cạnh tranh cao gắn liền với việc bảo vệ sức khỏe của người lao động là yêu cầu tất yếu của sự phát triển kinh tế bền vững và đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu hóa.

Đảm bảo cho người lao động được làm việc trong môi trường an toàn không chỉ là trách nhiệm của người sử dụng lao động mà còn của Nhà nước. Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về vấn đề an toàn, vệ sinh lao động nói chung cũng như vấn đề bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong môi trường an toàn nói riêng.

Nhà nước đã ban hành một hệ thống văn bản pháp luật tương đối đầy đủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động như: Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hệ thống các văn bản trên đã tạo một hành lang pháp lý minh bạch, vững chắc để quy định rõ vai trò của Nhà nước, trách nhiệm của người sử dụng lao động và các tổ chức có liên quan trong thực hiện an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp. Đặc biệt là trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo đảm quyền cho người lao động được làm việc trong môi trường an toàn. Trong những năm qua, quyền lợi của người lao động cũng ngày càng được quan tâm thực hiện. Người lao động được làm việc trong môi trường, điều kiện an toàn, vệ sinh lao động. Người lao động được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động, phòng hộ cá nhân khi tham gia quan hệ lao động.

Trên thực tế, tại Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng, nhiều doanh nghiệp và người sử dụng lao động đã có những biện pháp, sáng kiến cải thiện điều kiện làm việc, an toàn lao động và môi trường sản xuất...Doanh nghiệp đã chú trọng các hoạt động liên quan đến đầu tư các trang thiết bị cho doanh nghiệp phát triển. Tạo sự đột phá trong đảm bảo các tiêu chuẩn lao động, tạo tính cạnh tranh của người lao động trong doanh nghiệp với các đối thủ cạnh tranh khác. Quyền lợi người lao động ngày càng được nâng cao. Các biện pháp bảo đảm quyền lợi người

lao động trong vấn đề an toàn, vệ sinh lao động ngày càng chú trọng. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận thực tế khách quan, nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp chỉ quan tâm đầu tư sản xuất, thu lợi nhuận mà thiếu sự đầu tư cải thiện điều kiện làm việc, an toàn lao động cho người lao động, mặt khác do ý thức tự giác chấp hành nội quy, quy định làm việc bảo đảm an toàn lao động của người lao động chưa cao, thiếu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan thanh tra Nhà nước về an toàn lao động. Hậu quả của thực tiễn trên không chỉ gây thiệt hại về tinh thần cho người lao động, thiệt hại về tài sản của người sử dụng lao động, Nhà nước mà không những còn ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Ngoài ra, hành lang pháp lý vẫn còn nhiều hạn chế cần sửa đổi, bổ sung. Nhiều quy định mang tính định khung. Nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ chưa được điều chỉnh. Chính vì vậy, quyền của người lao động được làm việc trong môi trường an toàn vẫn bị ảnh hưởng nhất định. Từ những lý do đó, tác giả chọn đề tài ***“Quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động theo pháp luật lao động Việt Nam, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Trị”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài.

Trong thời gian vừa qua, đã có nhiều công trình của một số nhà khoa học, nhà quản lý nghiên cứu thực trạng của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động nói chung và pháp luật về bảo đảm quyền của người lao động làm việc trong môi trường an toàn nói riêng. Qua đó có đưa ra những đánh giá có ý nghĩa làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo đảm quyền của người lao động làm việc trong môi trường an toàn. Cụ thể như:

- Vũ Thị Thảo với nghiên cứu *"Bảo hộ lao động theo pháp luật Việt Nam"*, Luận văn thạc sỹ năm 2013, Đại học Luật Hà Nội. Tác giả nghiên cứu các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, thực trạng quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- “Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân”, NXB Lao động - Xã hội, 2004. Công trình nêu lên các danh mục trang thiết bị bảo vệ cá nhân.

- “Hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động”, NXB Lao động – Xã hội. Công trình này nghiên cứu các vấn đề về hồ sơ an toàn, vệ sinh lao động.

- “Đánh giá rủi ro trong sản xuất theo nhóm các yếu tố nguy hiểm” TS. Triệu Quốc Lộc Tạp chí Bảo hộ lao động tháng 4/2012 đã đánh giá

những rủi ro trong sản xuất, phân loại các công việc mang tính chất có yếu tố nguy hiểm.

- Đề tài khoa học cấp Nhà nước “Nghiên cứu hiệu quả kinh tế xã hội của các giải pháp cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho NLD và xây dựng mối quan hệ với năng suất lao động nhằm nâng cao tính cạnh tranh và bảo vệ nguồn nhân lực trong quá trình hội nhập” Chủ nhiệm đề tài GS.TS. Lê Văn Trình, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật BHLĐ, năm 2011. Nghiên cứu này cho thấy môi trường làm việc và điều kiện làm việc là hai yếu tố quan trọng đối với doanh nghiệp và người lao động. Trong đó, tác động của môi trường và điều kiện làm việc có ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống của người lao động.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Đánh giá thực trạng môi trường lao động về bệnh nghề nghiệp trong ngành đường sắt” của nhóm nghiên cứu: Phạm Văn Hùng và Trung tâm Y tế dự phòng Đường sắt đã cho thấy thực trạng môi trường lao động về bệnh nghề nghiệp trong ngành đường sắt, các giải pháp nâng cao hiệu quả môi trường làm việc của người lao động.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã làm rõ các vấn đề sau:

Thứ nhất, các vấn đề cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động, khái niệm và đặc điểm của an toàn, vệ sinh lao động. Các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ hai, thực trạng pháp luật hiện hành về an toàn, vệ sinh lao động. Thực tiễn triển khai pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ ba, luận văn đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Đây là những vấn đề nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, là cơ sở tham khảo để tác giả hoàn thành tốt đề tài.

Trong pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động có rất nhiều tác giả có cách tiếp cận và góc nhìn riêng nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu pháp luật về bảo đảm quyền của người lao động làm việc trong môi trường an toàn qua thực tiễn tại địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đề tài “*Quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động theo pháp luật lao động Việt Nam, qua thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Trị*” sẽ nghiên cứu pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động từ lý luận gắn với thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị, các yêu cầu đặt ra với pháp luật, quá trình áp dụng pháp luật để từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động trên phạm vi cả nước nói chung và tại tỉnh Quảng Trị nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động an toàn, vệ sinh lao động và pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

- Đánh giá thực trạng của hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động cũng như thực trạng hiện tại các doanh nghiệp ở tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại Quảng Trị.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Nội dung trọng tâm là đánh giá thực trạng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Trên cơ sở đó kiến nghị và xây dựng hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản của quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động trong Bộ Luật lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thời gian nghiên cứu từ 2015-2017.

Phạm vi nghiên cứu: thực trạng áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các yêu cầu mà đề tài đặt ra, luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước Pháp quyền nói chung, về pháp luật an toàn, vệ sinh lao động nói riêng.

- Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Thứ nhất, phương pháp phân tích, bình luận, so sánh... được sử dụng trong Chương 1 khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động và pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thứ hai, phương pháp đánh giá, diễn giải, đối chiếu, điều tra... được sử dụng tại Chương 2 khi nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thứ ba, phương pháp tổng hợp, quy nạp... được sử dụng tại Chương 3 khi nghiên cứu, đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn luận văn

Với mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận văn là công trình đầu tiên đóng góp cho khoa học những vấn đề sau:

- Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống cả về mặt lý luận và thực tiễn về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

- Luận văn chỉ ra những hạn chế của hệ thống các qui định pháp luật cũng như thực tiễn quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

- Luận văn đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Với những vấn đề nêu trên, luận văn mong muốn góp phần phát triển lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động để từ đó giúp người sử dụng lao động chú trọng hơn trong việc đảm bảo các quyền của người lao động, đặc biệt quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1: Khái quát pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Chương 1

KHÁI QUÁT PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1.1 Một số vấn đề lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

1.1.1 Khái niệm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Có nhiều cách hiểu khác nhau về môi trường. Môi trường là một tổ hợp các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh bên ngoài của một hệ thống hoặc một cá thể, sự vật nào đó. Chúng tác động lên hệ thống này và xác định xu hướng và tình trạng tồn tại của nó. Môi trường có thể coi là một tập hợp, trong đó hệ thống đang xem xét là một tập hợp con.

Một định nghĩa rõ ràng hơn như: Môi trường là tập hợp tất cả các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh con người, ảnh hưởng tới con người và tác động đến các hoạt động sống của con người như: không khí, nước, độ ẩm, sinh vật, xã hội loài người và các thể chế. Nói chung, môi trường của một khách thể bao gồm các vật chất, điều kiện hoàn cảnh, các đối tượng khác hay các điều kiện nào đó mà chúng bao quanh khách thể này hay các hoạt động của khách thể diễn ra trong chúng¹. Thuật ngữ môi trường cũng được quy định dưới góc độ pháp lý. Theo đó, môi trường được hiểu là: “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.”²

Thuật ngữ an toàn được hiểu theo hai nghĩa. Nếu xét theo nghĩa rộng an toàn là một khái niệm để chỉ con người được sống và làm việc mà không chịu sự tác động hoặc đe dọa đến tính mạng và sức khỏe khỏe của con người.

Xét theo nghĩa hẹp, thuật ngữ an toàn được hiểu việc phòng ngừa và ngăn chặn tai nạn lao động, bảo đảm các điều kiện lao động cho con người. An toàn cũng được hiểu là các biện pháp tương ứng về tổ chức, kinh tế - xã hội, khoa học – kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khỏe và khả năng làm việc của con người trong quá trình lao động³

Trong phạm vi luật lao động, an toàn được hiểu là việc bảo đảm không để xảy ra các sự cố hoặc đe dọa về tính mạng sức khỏe cho con

¹ https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4i_tr%C6%B0%E1%BB%9Dng

² Điều 1, Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam

³ Tập bài giảng Bảo hộ lao động, Trường Cao đẳng lao động – xã hội, NXB lao động – xã hội, Hà Nội 2001, tr9

người. An toàn là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động⁴.

Theo nghĩa rộng, môi trường an toàn được hiểu là các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nó ảnh hưởng tích cực tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người.

Theo nghĩa hẹp, *môi trường an toàn là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động khi con người thực hiện các giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm.*

Thuật ngữ quyền con người được hiểu: “là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người⁵. Quyền con người cũng được Tổng thư ký Liên hiệp quốc Boutros-Ghali khái quát trong Hội nghị Thế giới Vienna năm 1993: “là các quyền bẩm sinh”⁶. Ở Việt Nam, quyền con người lại được xác định là: “những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế”⁷.

Nếu tiếp cận dưới góc độ đạo đức, *quyền con người là giá trị xã hội cơ bản, vốn có (những đặc quyền) của con người⁸ thì dưới bình diện pháp lý, quyền con người là những đặc quyền được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia điều chỉnh.*

Từ những quan điểm và cách tiếp cận trên, thuật ngữ *quyền con người được hiểu là những giá trị về vật chất hoặc tinh thần gắn liền với con người được tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện trên cơ sở pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia⁹.*

Khi tham gia vào quan hệ lao động, người lao động được hưởng rất nhiều các quyền do pháp luật quy định. Trong đó, bao gồm các loại quyền như:

- i) Quyền có việc làm
- ii) Quyền hưởng lương

⁴ Điều 3 Luật An toàn, vệ sinh lao động

⁵ Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr.37

⁶ Wolfgang Benedek, (2008), Tìm hiểu về quyền con người, Nxb. Tư pháp, tr.37

⁷ Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr.38.

⁸ Nguyễn Duy Lâm, Nguyễn Thị Tố Nga (CB), (2012), Tài liệu một số kiến thức pháp luật về quyền con người dành cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, môn Pháp luật, Bộ Tư Pháp, tr.7.

⁹ Đào Mộng Điệp, Tổng quan quyền con người trong pháp luật lao động, Tạp chí Khoa học pháp lý Hồ Chí Minh, 2015

iii) Quyền được làm việc trong môi trường an toàn lao động vệ sinh lao động

iv) Quyền được hưởng bảo hiểm xã hội

v) Quyền công đoàn

vi) Quyền đình công.

Đây chính là các quyền rất cơ bản mà người lao động được hưởng khi tham gia quan hệ lao động. Trong đó, quyền làm việc trong môi trường an toàn lao động được xem là một loại quyền rất bảo đảm. Bởi loại quyền này, người lao động được bảo đảm, bảo vệ chống lại mọi điều kiện lao động gây ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe của người lao động.

Từ các góc độ đó, khái niệm quyền làm việc trong môi trường an toàn của người lao động được hiểu như sau:

Quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động là quyền được bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với người lao động trong quá trình lao động được tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện trên cơ sở pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

1.1.2 Đặc điểm của quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, quyền được làm việc trong môi trường an toàn luôn phát sinh, gắn liền với quan hệ lao động.

Tổ chức lao động quốc tế định nghĩa: “*Quan hệ lao động là những mối quan hệ cá nhân và tập thể giữa những người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc, cũng như các mối quan hệ giữa các đại diện lao động của họ với nhà nước*”¹⁰. Khái niệm này cũng được Bộ luật Lao động quy định: “*là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động*”. Quan hệ lao động có nhiều chủ thể với địa vị pháp lý khác nhau trong đó người lao động và người sử dụng lao động được xem là các chủ thể mà nếu thiếu sẽ không thể tồn tại loại quan hệ này. Người lao động tham gia quan hệ lao động với tư cách là người bán sức lao động và người sử dụng lao động tham gia vào thị trường lao động để tìm kiếm lợi nhuận thông qua quá trình sử dụng sức lao động đó. Kể từ khi tham gia vào quan hệ lao động, thông qua hành vi giao kết hợp đồng, quyền con người trong lao động được hình thành. Các quyền này gắn liền với từng người lao động và phụ thuộc vào năng lực chủ thể của chính người

¹⁰ Nguyễn Tiệp (2008), *Giáo trình quan hệ lao động*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, tr.10.

lao động đó. Khi quan hệ lao động thay đổi hay chấm dứt kéo theo sự thay đổi về các loại quyền của họ.

Thứ hai, quyền được làm việc trong môi trường an toàn được pháp luật lao động ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện.

Nhà nước sử dụng pháp luật là một hành lang pháp lý để ghi nhận các quyền con người trong lao động. Trên cơ sở đó, nhà nước tôn trọng cho người lao động thực hiện các đặc quyền của mình khi tham gia quan hệ lao động và bảo đảm thực hiện thông qua các biện pháp khuyến khích các chủ thể để quyền con người trong lao động được thực hiện. Trong trường hợp quyền con người trong lao động bị vi phạm, nhà nước sử dụng biện pháp cưỡng chế thông qua các chế tài của quy phạm pháp luật.

Thứ ba, quyền được làm việc trong môi trường an toàn thể hiện thông qua trách nhiệm của Nhà nước và người sử dụng lao động trong việc bảo đảm môi trường an toàn cho người lao động.

Nhà nước có trách nhiệm xây dựng chương trình quốc gia về bảo đảm môi trường an toàn cho người lao động. Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động do Bộ Lao động - thương binh và Xã hội, Bộ Y tế phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Căn cứ vào chương trình này, hàng năm Bộ Lao động - thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kinh phí đầu tư cho chương trình để đưa vào kế hoạch ngân sách của Nhà nước. Đồng thời, pháp luật cũng quy định Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về an toàn lao động trong phạm vi cả nước. Hội đồng quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động do Thủ tướng thành lập có nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ và tổ chức phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp về an toàn lao động.

1.2 Pháp luật điều chỉnh về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

1.2.1 Sự cần thiết của việc điều chỉnh pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, điều chỉnh pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn thể hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với người lao động.

Chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đối với vấn đề an toàn, vệ sinh lao động nói chung và bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động nói riêng luôn được quan tâm và ghi nhận một cách đầy đủ. Nhà nước luôn thực hiện chủ trương coi “con người

vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển”. Nhà nước bảo đảm cho người lao động quyền được làm việc trong môi trường an toàn, coi người lao động là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn luôn được Nhà nước ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Chính vì vậy, điều chỉnh pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động chính là việc ghi nhận chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về vấn đề này. Trong hành lang pháp lý, việc ghi nhận quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động chính là việc chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống người lao động.

Thứ hai, điều chỉnh pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn để bảo vệ người lao động.

Môi trường làm việc là nơi mà người lao động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công cho nên nó có tác động rất lớn đến sức khỏe của người lao động. Môi trường làm việc bảo đảm sẽ đảm bảo sức khỏe cho người lao động, ngược lại sẽ gây tổn hại sức khỏe của họ. Do vậy, pháp luật quy định các tiêu chuẩn về không gian, độ thoáng, độ sáng, nồng độ cho phép về bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung và các yếu tố có hại khác... mà người sử dụng lao động phải tuân thủ nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh cho người lao động. Đồng thời pháp luật cũng quy định người sử dụng lao động phải định kỳ kiểm tra đo lường, đánh giá môi trường làm việc theo các tiêu chuẩn trên nhằm tránh phát sinh những yếu tố có thể gây ra ô nhiễm, độc hại trong môi trường làm việc.

1.2.2 Khái niệm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Quyền được làm việc trong môi trường an toàn là một vấn đề cốt lõi, trọng tâm trong quan hệ lao động, trong mối quan hệ hai bên giữa người lao động và người sử dụng lao động. Hiệu quả của việc thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn được đánh giá thông qua việc tuân thủ pháp luật về môi trường an toàn của các bên cũng như mức độ tham gia của tổ chức đại diện đối với người sử dụng lao động và nhà nước vào hoạt động này. Mức độ tham gia đó được pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn quy định và bảo đảm thực hiện trên thực tế. Pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn được ghi nhận trong các công ước quốc tế, trong hệ thống pháp luật của các quốc gia nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng.

Pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn trong các công ước quốc tế có một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn quy định về trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn cho người lao động bao gồm:

i) Quy định về vai trò trách nhiệm của Nhà nước trong việc thiết lập các cơ sở pháp lý về sử dụng, bảo dưỡng các yếu tố vật chất của công việc (nơi làm việc, môi trường lao động, dụng cụ, máy móc, thiết bị, các chất và các tác nhân hóa học, sinh học, các quá trình lao động);

ii) Quy định trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện hoặc giám sát công việc, sự thích nghi của máy móc, thiết bị, thời gian làm việc, việc tổ chức lao động, các quá trình lao động với khả năng thể chất và tinh thần của người lao động;

Thứ hai, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động quy định quyền của người lao động được phòng ngừa sự cố về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Một là, quy định các tiêu chuẩn về thiết kế, xây dựng và bố trí các cơ sở sản xuất, bắt đầu vận hành, sửa chữa có tác động lớn và những sự thay đổi mục đích hoạt động của các cơ sở, mức độ an toàn của các thiết kế kỹ thuật được sử dụng cũng như việc áp dụng các quy trình do các nhà chức trách có thẩm quyền ấn định.

Hai là, quy định các công việc bị cấm vì điều kiện làm việc không bảo đảm. Các công việc ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng và sức khỏe của người lao động.

Ba là, quy định các biện pháp phòng ngừa tình trạng bị tai nạn lao động xảy ra. Quy định về thông tin và trách nhiệm thống kê của các cơ quan khi xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Thứ ba, quy định chế độ cho người lao động khi người lao động bị tai nạn lao động.

Pháp luật quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động, doanh nghiệp trong bảo đảm môi trường an toàn. Quy định các chế độ mà người lao động sẽ được hưởng khi bị tai nạn lao động xảy ra. Pháp luật quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện chế độ trợ cấp cho người lao động. Người sử dụng lao động phải có trách nhiệm trong khắc phục tình trạng người lao động bị tai nạn lao động khi người lao động tham gia vào quan hệ lao động.

Thứ tư, quy định các chế tài đối với người sử dụng lao động khi người sử dụng lao động không thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Ở Việt Nam, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động được quy định trong Bộ luật Lao động và Luật an toàn, vệ sinh lao động cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động của các chủ thể tham gia vào quan hệ lao động đảm bảo cho người lao động làm việc trong điều kiện an toàn hạn chế mức thấp nhất khả năng bị thương tật, tử vong trong quá trình lao động.

Từ cơ sở trên, khái niệm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động được xác định như sau:

Pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh về trách nhiệm của các chủ thể tham gia quan hệ lao động trong việc thiết lập điều kiện làm việc bảo đảm an toàn cho người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất khả năng bị thương tật, tử vong khi tham gia vào quan hệ lao động.

1.2.3 Nội dung pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Về cơ bản pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tập trung quy định những vấn đề sau:

Thứ nhất, nhóm các quy định về các biện pháp bảo đảm môi trường an toàn

Các biện pháp bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động là một trong những nội dung quan trọng của pháp luật về an toàn lao động. Pháp luật các nước quy định về các vấn đề sau:

- i) Các tiêu chuẩn về môi trường an toàn cho người lao động;
- ii) Các tiêu chí xác định công việc có tính chất yêu cầu nghiêm ngặt về điều kiện lao động nguy hiểm;
- iii) Quy định các biện pháp kiểm tra việc thực hiện liên quan đến sức khỏe và điều kiện làm việc, an toàn nơi làm việc của người lao động. Bố trí cơ sở y tế phù hợp với quy mô của doanh nghiệp¹¹.

Pháp luật Việt Nam quy định về biện pháp bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động cũng xác định về điều kiện môi trường an toàn, quy định các tiêu chuẩn bảo đảm môi trường an

¹¹ Điều 242 Luật Lao động Campuchia 1997

toàn; quy định các biện pháp bảo đảm môi trường an toàn cho người lao động.

Thứ hai, quy định các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động cho người lao động.

Pháp luật các quốc gia trong đó có Việt Nam ghi nhận, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động bao gồm:

- i) Quy định về vấn đề kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;
- ii) Quy định về kế hoạch an toàn lao động
- iii) Quy định về phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi người lao động tham gia quan hệ lao động
- iv) Quy định về vấn đề huấn luyện về môi trường an toàn cho người lao động
- v) Quy định vấn đề chăm sóc sức khỏe cho người lao động

Thứ ba, quy định về chế độ của người lao động khi người lao động bị tai nạn lao động

Theo pháp luật các quốc gia, đây là vấn đề mang tính khắc phục sự cố về an toàn lao động. Pháp luật các quốc gia và Việt Nam ghi nhận, khi người lao động bị tai nạn lao động xảy ra, người lao động có quyền đòi bồi thường theo quy định của các luật dân sự có liên quan, ngoài quyền được hưởng bảo hiểm lao động"¹². Ngoài ra, người lao động cũng được người sử dụng lao động chi trả các chế độ về trợ cấp, về tiền lương, về khoản bồi thường khi người lao động mất khả năng lao động hoặc suy giảm khả năng lao động do bị tai nạn lao động.

1.3 Các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

1.3.1 Yếu tố pháp luật

Pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động phải có nội dung phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội, điều kiện chính trị, các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội và pháp luật quốc tế. Ngoài ra, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động còn phải phù hợp với các đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Nếu pháp luật không phù hợp với thực tế thì sẽ làm mất đi hoặc giảm đi hiệu quả của pháp luật. Nhưng nếu pháp luật phù hợp với thực tế thì việc thực hiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động sẽ mang tính thực thi.

¹² Điều 48 Luật An toàn lao động Trung Quốc 2002

1.3.2 Vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về lao động

Các cơ quan quản lý nhà nước về lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật phải được tổ chức một cách khoa học, có sự phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, mỗi bộ phận để tránh hiện tượng chồng chéo, mâu thuẫn, cản trở lẫn nhau trong công việc của mỗi cơ quan này. Sự không thống nhất, không phân định rõ ràng phạm vi, lĩnh vực hoạt động hoặc thẩm quyền của các cơ quan này thường dẫn đến có những vụ việc nhiều cơ quan cùng thực hiện dẫn tới sự chồng chéo trong cách giải quyết nhưng có những vụ việc thì đùn đẩy không cơ quan nào chịu nhận trách nhiệm thực hiện đó là một thực tế đang diễn ra hiện nay tại các cơ quan này.

1.3.3 Ý thức của người sử dụng lao động, người lao động

Ý thức pháp luật là điều kiện cần thiết đối với người sử dụng lao động, người lao động áp dụng pháp luật. Một khi các chủ thể này có những tri thức pháp luật cần thiết, họ sẽ có những hành vi pháp luật tích cực, biết sử dụng pháp luật vào việc làm hợp pháp, không trái pháp luật. Ngoài ra, ý thức pháp luật của người sử dụng lao động, người lao động có vai trò đặc biệt quan trọng trong trường hợp các quy phạm pháp luật hiện hành bị lạc hậu, không đáp ứng một cách đầy đủ chính xác những đòi hỏi của sự phát triển xã hội. Trong trường hợp đó người sử dụng lao động, người lao động sẽ căn cứ vào ý thức pháp luật, các nguyên tắc của pháp luật và niềm tin của bản thân để thực hiện pháp luật theo những cách tốt nhất, phù hợp nhất. Không những vậy, ý thức pháp luật còn có sự tác động rất lớn tới hành vi của người sử dụng lao động, người lao động thông qua yếu tố tư tưởng, tâm lý.

1.3.4 Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động có tác động đến pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Đặc biệt vai trò của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội bảo đảm cho việc chấp hành quy định của pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động được thực hiện có hiệu quả.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 luận văn đã trình bày cơ sở lý luận về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Luận văn đã trình bày những khái niệm về môi trường, môi trường an toàn, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Từ những khái niệm đó, luận văn đã nêu những đặc điểm và sự cần thiết của việc điều chỉnh của pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Đồng thời, luận văn đã trình bày những nội dung của pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động như: các biện pháp bảo đảm, biện pháp phòng ngừa chế độ của người lao động khi tai nạn.... Các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động bao gồm: yếu tố pháp luật, ý thức pháp luật của người sử dụng lao động.

Muốn hiểu rõ hơn về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động thì trước hết cần có những đánh giá đúng đắn, hợp lý và khách, từ đó mới có thể thấy rõ những điểm đạt được và chưa đạt được của việc thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ.

2.1 Thực trạng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

2.1.1 Quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

2.1.1.1 Quy định pháp luật về quyền được bảo đảm môi trường an toàn lao động

Để người lao động hưởng quyền được bảo đảm môi trường an toàn lao động, pháp luật hiện hành quy định các nội dung sau:

Thứ nhất, quyền được bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc của người lao động. Pháp luật hiện hành quy định khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động thì chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải lập phương án về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường.

Thứ hai, quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động. Pháp luật hiện hành quy định, người lao động được làm việc tại nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó; bảo đảm có đủ buồng tắm. Người lao động được bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng và theo nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Thứ ba, người lao động được người sử dụng lao động thực hiện các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng và ứng cứu khẩn cấp. pháp luật hiện hành quy định, người sử dụng lao động có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật; trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm

ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động.

Thứ tư, người lao động được cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động. Để bảo đảm thực hiện quyền này của người lao động, pháp luật hiện hành quy định người sử dụng lao động phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

2.1.1.2 Quy định pháp luật về quyền được phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thứ nhất, quyền được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động. Trong quá trình làm việc, người lao động được người sử dụng lao động trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

Thứ hai, quyền được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Đây là một quyền rất quan trọng của người lao động khi tham gia quan hệ lao động. Quyền này bảo đảm cho người lao động được làm việc trong môi trường điều kiện an toàn, vệ sinh lao động. Pháp luật hiện hành quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này.

Thứ ba, quyền được thông tin về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Pháp luật hiện hành quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động.

Thứ tư, quyền của người lao động được khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp. Pháp luật hiện hành quy định, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.

2.1.1.3 Quy định pháp luật về quyền được khắc phục sự cố về an toàn, vệ sinh lao động

Khi có sự cố gây mất an toàn, vệ sinh lao động, pháp luật quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thì người bị tai nạn hoặc người biết sự việc phải báo ngay cho người phụ trách trực tiếp, người sử dụng lao động biết để kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả xảy ra.

Pháp luật hiện hành quy định người sử dụng lao động có trách nhiệm thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để tiến hành điều tra tai nạn lao động làm bị thương nhẹ, tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

Về trách nhiệm của người sử dụng lao động trong vấn đề thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng để bảo đảm môi trường an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Người sử dụng lao động phải thống kê, báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng tại cơ sở của mình và định kỳ 06 tháng, hằng năm, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

2.1.1.4 Quy định pháp luật về quyền được hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Thứ nhất, quyền được hưởng chế độ khi xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. trong quá trình làm việc, người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, người lao động sẽ được kịp thời sơ cứu, cấp cứu. Người sử dụng lao động phải tạm ứng chi phí sơ cứu, cấp cứu và điều trị cho người lao động bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

Thứ hai, quyền được hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần. Khi người lao động bị trách nhiệm, bệnh nghề nghiệp, tùy mức độ suy giảm khả năng lao động mà người lao động được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng hay một lần.

Thứ ba, quyền được hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể.

Thứ tư, quyền được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật. Pháp luật hiện hành quy định, người lao động sau khi điều trị ổn định thương tật do tai nạn lao động hoặc bệnh tật do

bệnh nghề nghiệp, trong thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày cho một lần bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.1.2. Đánh giá pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

2.1.2.1. Những ưu điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã có nhiều quy định phù hợp với thực tiễn.

Hiện nay, pháp luật lao động đã có những quy định tương đối đầy đủ về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, qua đó góp phần đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động cũng như người sử dụng lao động khi tham gia vào quan hệ lao động.

Bộ luật lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động đã quy định khá cụ thể về vấn đề bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, quy định vấn đề phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động, quy định chế độ về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động, quy định về các chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thứ hai, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ và đồng bộ để điều chỉnh quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, bảo vệ người lao động được làm việc trong môi trường an toàn và điều kiện làm việc đạt chuẩn.

Thứ ba, pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã ban hành các quy định tương đối khả thi về những hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động hoạt động để bảo vệ người lao động.

Để bảo vệ người lao động thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn, pháp luật đã quy định các nhóm hành vi vi phạm quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Không lấy ý kiến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở khi xây dựng kế hoạch hoặc thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

Thứ tư, pháp luật hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã quy định đầy đủ hơn trách nhiệm

của người sử dụng lao động trong bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ chung đối với người sử dụng lao động khi tham gia quan hệ lao động, pháp luật hiện hành cũng quy định rõ trách nhiệm của người sử dụng lao động trong bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tuân thủ pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, bảo đảm nơi làm việc và bảo đảm điều kiện làm việc cho người lao động, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong xử lý sự cố...

2.1.2.2. Những nhược điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động vẫn còn một số hạn chế, bất cập làm ảnh hưởng đến quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động như:

Thứ hai, pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động còn nhiều nội dung chưa điều chỉnh dẫn đến việc áp dụng quyền được làm việc trong môi trường an toàn gặp hạn chế.

Thứ ba, pháp luật hiện hành chưa có những quy định và biện pháp chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu tình trạng người sử dụng lao động thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa xây dựng được hành lang pháp lý đầy đủ, có khả năng bảo đảm hiệu quả cho quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thứ năm, pháp luật hiện hành còn thiếu cơ chế bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động thực thi hiệu quả.

2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị

2.2.1 Những kết quả đạt được

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã được triển khai tại tỉnh Quảng Trị một cách hiệu quả

Tại tỉnh Quảng Trị, các doanh nghiệp đã áp dụng các quy định của pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn một cách có hệ thống. Tại tỉnh Quảng Trị, các doanh nghiệp đã triển khai thực hiện

Bộ Luật Lao động năm 2012; Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản pháp luật quy định về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động...Điều này đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc bảo đảm quyền được làm việc của người lao động tại tỉnh Quảng Trị. Chính vì vậy, quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị đã được thực hiện một cách tương đối hiệu quả.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có hơn 3600 an toàn vệ sinh viên viên (theo số liệu thống kê của các đơn vị tham gia báo cáo). Việc thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động: Các doanh nghiệp khi xây dựng, ban hành các quy trình, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đã chú ý các khâu, công việc có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ; các loại thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể thấy, vấn đề bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã được các doanh nghiệp rất coi trọng và thực hiện tương đối hiệu quả.

Thứ hai, tại các doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, việc triển khai thực hiện biện pháp bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã được chú trọng.

Một là, về công tác huấn luyện, tuyên truyền

Để triển khai thực hiện tốt vệ sinh lao động bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, năm 2016, Sở Lao động-TB&XH phối hợp với các ngành liên quan của BCĐ Tuần lễ tỉnh đã mở 102 lớp tập huấn, huấn luyện về AT-VSLĐ-PCCN cho người sử dụng lao động, người làm công tác AT-VSLĐ, an toàn vệ sinh viên, cán bộ y tế cơ sở, lực lượng PCCC cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với số người tham dự gần 10500 người.

Tổ chức 13 lớp tập huấn về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ quản lý nhà nước cấp huyện, xã; người sử dụng lao động trong doanh nghiệp; cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và người lao động trong các doanh nghiệp cho 585 người; 5 lớp tập huấn cho người lao động không có quan hệ lao động với 250 người tham dự tại 5 huyện. Hướng dẫn, thẩm định cho các đơn vị dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, các doanh nghiệp tổ chức 133 lớp với 11.891 người sử dụng lao động, cán bộ quản lý và người lao động tham dự được cấp chứng chỉ, chứng nhận, vào sổ huấn luyện theo quy định.

Hai là, các hoạt động Tuần lễ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, lần thứ 19 năm 2017 được quan tâm thực hiện

để bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền: Ban hành Kế hoạch số 01/BCĐ ngày 07/01/2016 của Ban chỉ đạo Tuần lễ của tỉnh; hướng dẫn công tác an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức thực hiện tuần lễ năm 2017 cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền trước thời gian diễn ra Tuần lễ. Tại tỉnh Quảng Trị, Ban chỉ đạo Tuần lễ Quốc gia về An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ tỉnh tổ chức Lễ phát động Tuần lễ quốc gia An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ lần thứ 19, năm 2017 với sự tham gia của hơn 1.200 cán bộ, công nhân viên chức và người lao động, đại diện cho lực lượng lao động và các doanh nghiệp trong tỉnh.

Ba là, về công tác thanh tra, kiểm tra: Sở Lao động- TB&XH, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Sở Y tế, Sở Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh, các huyện, thị xã và TP Đông Hà đã tiến hành nhiều đợt thanh, kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Sau kiểm tra đã hướng dẫn doanh nghiệp khắc phục thiếu sót kịp thời.

Bốn là, về công tác quản lý sức khỏe cho người lao động: Có trên 65% tổng số cơ sở đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường có nhiều yếu tố nặng nhọc, độc hại và thực hiện bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và các chế độ khác cho người lao động. Nhiều đơn vị chú ý việc tổ chức lao động, sắp xếp thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi hợp lý hơn.

Thứ ba, thực tế cho thấy việc bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đã được quan tâm và thúc đẩy thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để bảo vệ người lao động được làm việc trong môi trường an toàn lao động, tại tỉnh Quảng Trị, các doanh nghiệp đã đẩy mạnh hoạt động phòng chống bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Trong giai đoạn 2015 – 2017, tỉnh Quảng Trị đã tổ chức 135 lớp tập huấn kỹ năng giám sát môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp, khám chẩn đoán giám định, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho 7105 lượt cán bộ, cơ sở có nguy cơ cao bị bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, tỉnh Quảng Trị hướng dẫn cho 89 doanh nghiệp xây dựng và áp dụng mô hình phòng chống bệnh nghề nghiệp; trong đó có 50 doanh nghiệp áp dụng mô hình phòng chống bệnh điếc, viêm gan virus có 9 doanh nghiệp và bụi phổi silic có 30 doanh nghiệp. Đồng thời các dự án cũng hỗ trợ mua

sấm hàng 14 hạng mục thiết bị phục vụ công tác đo, giám sát môi trường lao động, khám bệnh nghề nghiệp.

2.2.2. Hạn chế trong việc áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại Quảng Trị

Thứ nhất, tỉnh chưa có nhiều văn bản hướng dẫn mang tính đặc thù của tỉnh về an toàn, vệ sinh lao động nói chung và bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động nói riêng.

Thứ hai, việc áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị còn nhiều hạn chế, bất cập.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật lao động nói chung và pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động nói riêng còn hạn chế.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Trong nội dung chương 2, tác giả đi vào nghiên cứu quy định pháp luật có liên quan đến quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Thông qua việc nghiên cứu quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật hiện hành, tác giả đã đưa ra những đánh giá về ưu điểm và hạn chế trong các quy định pháp luật có liên quan đến quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Bên cạnh đó, tác giả đi sâu phân tích thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị. Đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Những đánh giá này là cơ sở để tác giả đưa ra những kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động được nghiên cứu tại Chương 3.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG AN TOÀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, việc hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động cần phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Thứ hai, việc hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động phải được thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng như đồng bộ với các chính sách pháp luật khác và các lĩnh vực khác có liên quan.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam về an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đặt trong việc hoàn thiện các quy định khác của Bộ luật lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

Một là, Nhà nước cần rà soát các quy định còn gây chông chéo về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động trong các Bộ luật lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Quy chuẩn kỹ thuật, các văn bản pháp luật khác.

Hai là, sửa đổi các quy định của Bộ luật Lao động về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, bổ sung nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn môi trường lao động đã lạc hậu. Nhà nước cần bổ sung các quy định về an toàn, vệ sinh lao động riêng cho từng loại ngành, nghề.

Bốn là, sửa đổi các quy định về công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động theo hướng thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Năm là, cụ thể hóa các quy định về việc bồi thường tai nạn lao động theo hướng minh bạch, rõ ràng, bảo đảm sự áp dụng pháp luật một cách thống nhất.

Sáu là, sửa đổi các quy định về bồi dưỡng hiện vật tại chỗ theo ca làm việc theo hướng căn cứ vào quy mô làm việc của từng doanh nghiệp.

Thứ hai, cần bổ sung các quy định pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động với những nội dung sau:

Thứ ba, pháp luật hiện hành cần có những quy định và biện pháp chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu tình trạng người sử dụng lao động thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Để bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, Nhà nước cần ban hành bổ sung các hành vi vi phạm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động như sau:

i) Hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động;

ii) Hành vi vi phạm pháp luật của Hội đồng giám định y khoa lao động;

iii) Hành vi vi phạm pháp luật của Hội đồng quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Thứ tư, pháp luật hiện hành cần quy định cơ chế bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động thực thi hiệu quả.

Pháp luật hiện hành đã ban hành rất nhiều văn bản pháp luật quy định về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động. Để bảo đảm thực thi quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, pháp luật hiện hành cần quy định cơ chế bảo đảm cho quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động thực hiện hiệu quả. Đặc biệt là cơ chế phối hợp trong bảo đảm thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động giữa người sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động

3.3.1 Giải pháp chung

Để hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động hiệu quả, cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người lao động về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật có vai trò quan trọng trong việc nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật. Công tác này giúp cho các doanh nghiệp, người lao động hiểu rõ các quy định của pháp luật, từ đó hình thành các ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia các quan hệ lao động. Cần tăng cường các chương trình truyền thông pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ hai, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, trong đó lưu ý trách nhiệm của người sử dụng lao động và cán bộ quản lý.

Hiệu quả của việc áp dụng pháp luật quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động đạt được hiệu quả tối đa khi tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra. Việc duy trì chế độ báo cáo tình hình thực hiện việc đảm bảo an toàn lao động tại doanh nghiệp, tình hình tai nạn lao động.....đề từ đó, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ có biện pháp khắc phục bất cập trong xử lý các hành vi vi phạm.

Thứ ba, tăng cường hoạt động của tổ chức công đoàn trong việc đảm bảo quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Việc nâng cao năng lực của tổ chức Công đoàn là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Tổ chức công đoàn phải có các chính sách quan tâm hơn nữa đến việc bảo vệ quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, đề xuất các điều kiện làm việc tốt hơn cho người lao động và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện nghiêm chỉnh.

3.3.2 Giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động tại tỉnh Quảng Trị

Để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, những năm qua UBND tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện đồng bộ nhiệm vụ thi hành pháp luật. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật trong các doanh nghiệp cũng như đối với người lao động.

Nhằm triển khai thực hiện tốt công tác thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động trên địa bàn tỉnh, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh các hoạt động nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn - vệ sinh lao động

Tỉnh Quảng Trị thường xuyên phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực ATVSLĐ để đảm bảo các điều kiện làm việc công bằng, an toàn cho người lao động. Trang bị máy, thiết bị phục vụ nâng cao năng lực và hiệu quả công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực hệ thống cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn, vệ sinh lao động.

Triển khai xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động phù hợp trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và làng nghề đang có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tỉnh Quảng Trị chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động nói chung và quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động nói riêng.

Thứ hai, thực hiện có hiệu quả các hoạt động nâng cao nghiệp vụ y tế lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc

Tỉnh Quảng Trị xây dựng và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh nghề nghiệp phổ biến trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp. Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế làm nhiệm vụ chẩn đoán, giám định, điều trị và phục hồi chức năng cho người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; tập huấn, nâng cao năng lực nghiệp vụ quan trắc môi trường lao động.

Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho người làm công tác y tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc

Thứ ba, tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, tư vấn về an toàn lao động, vệ sinh lao động

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động của chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể, người sử dụng lao động, người lao động và các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phù hợp và có sức lan tỏa trong tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động.

Triển khai huấn luyện, tuyên truyền giáo dục về an toàn - vệ sinh lao động cho đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ làm công tác an toàn vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động đặc biệt là người lao động trong khu vực không có quan hệ lao động;

Thứ tư, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình an toàn, vệ sinh lao động.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động của các đơn vị, doanh nghiệp. Kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp khắc phục các tồn tại, thiếu sót về công tác an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo ngăn ngừa có hiệu quả nguy cơ gây tai nạn, bệnh nghề nghiệp;

Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của Chương trình; điều chỉnh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác phối hợp triển khai thực hiện Chương trình giữa các sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Hướng đến mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật; từng bước khắc phục được những hạn chế, bất cập hiện nay trong thực hiện **quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động**, tạo tiền đề cho sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động thực hiện và đảm bảo các quyền cho người lao động.

Trong đó, các nội dung chủ yếu cần tập trung như: hoàn thiện thể chế về tổ chức thi hành và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động; đổi mới công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tổ chức thi hành pháp luật đối với doanh nghiệp sử dụng lao động; tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác đảm bảo về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực đáp ứng cho việc đảm bảo các về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn, từ thực trạng thực hiện pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, để bảo vệ quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động, đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng một hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động nói chung và quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động nói riêng phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, phải có một đội ngũ cán bộ chuyên quản lý về hoạt động an toàn, vệ sinh lao động và bảo đảm quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động để có thể kiểm tra, giám sát và kịp thời nhanh chóng xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động.

Có như vậy, việc thực hiện quyền được làm việc trong môi trường an toàn của người lao động mới đạt được hiệu quả cao, lợi ích của người lao động được bảo vệ toàn vẹn và thúc đẩy quan hệ lao động phát triển bền vững.